

Phát triển sản phẩm chủ lực của công nghiệp Hà Nội: vấn đề và kiến nghị

NGUYỄN QUANG HỒNG

Các ngành công nghiệp chủ lực đã góp phần thúc đẩy kinh tế Hà Nội phát triển mạnh trong những năm gần đây. Vì vậy, Hà Nội cần có chiến lược phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực một cách ổn định và bền vững. Từ phân tích thực trạng phát triển ngành công nghiệp chủ lực Thủ đô, bài viết đề xuất một số kiến nghị phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực của Hà Nội góp phần phát triển công nghiệp Thủ đô, để Hà Nội thực sự là trung tâm sản xuất các sản phẩm chất lượng cao của cả nước, đưa Hà Nội xứng tầm Thủ đô ngàn năm văn hiến.

Trái qua 1000 năm phát triển, Thủ đô Hà Nội đã là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của cả nước và cũng là hình ảnh đầu tiên của Việt Nam trước con mắt người nước ngoài. Vì vậy, xây dựng và phát triển Thủ đô, trong đó phát triển kinh tế có vai trò hết sức quan trọng. Qua thời gian, đặc biệt từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới, các ngành công nghiệp Thủ đô đã có những đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế và phát triển đất nước. Tuy nhiên, để duy trì tăng trưởng và phát triển kinh tế của Hà Nội, cần phải có chiến lược phát triển công nghiệp Hà Nội dài hạn và vững chắc hơn. Một trong những vấn đề quan trọng trong xác định chiến lược phát triển công nghiệp Hà Nội theo hướng hiện đại và bền vững là lựa chọn và hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực, ngành công nghiệp chủ lực của Thủ đô.

Kể từ khi thực hiện chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực trên địa bàn Hà Nội, công nghiệp Thủ đô bước đầu đã tạo ra các sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Các sản phẩm đó được tạo ra từ công nghệ cao, tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng, giữ môi trường bền vững. Các sản phẩm

công nghiệp như vậy đã và sẽ tạo ra mức tăng trưởng cao, xuất khẩu tốt và đóng góp lớn vào tăng trưởng công nghiệp, phát triển kinh tế Thủ đô và đất nước. Tuy nhiên, vẫn còn không ít bất cập trong quá trình thực hiện chương trình này như: sự kết hợp giữa các ngành chưa chặt chẽ trong hỗ trợ sản phẩm, hiệp hội ngành nghề tham gia vào công tác tuyên truyền chưa hiệu quả và cơ chế hỗ trợ chưa thiết thực để những sản phẩm chủ lực phát triển mạnh mẽ và bền vững hơn.

Trên cơ sở số liệu điều tra của Tổng cục Thống kê nghiên cứu gần 3.800 doanh nghiệp và sản phẩm công nghiệp trên địa bàn Thủ đô và kết quả nghiên cứu đề tài: “Giải pháp phát triển các ngành công nghiệp chủ lực trên địa bàn Thủ đô nhằm xây dựng Hà Nội thành trung tâm công nghiệp chất lượng cao của vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ”, bài viết đề xuất một số ý kiến về việc phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực và ngành công nghiệp chủ lực nhằm góp thêm ý kiến phát triển công nghiệp Thủ đô nhân dịp kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội.

Nguyễn Quang Hồng, TS, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

1. Ngành công nghiệp chủ lực và sản phẩm công nghiệp chủ lực

Trong các ngành công nghiệp của nền kinh tế quốc dân, Ngành công nghiệp chủ lực (CNCL) là ngành đóng vai trò quyết định đối với việc thực hiện các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ đã đặt ra trong thời kỳ nhất định về phát triển công nghiệp. Từ đó có thể hiểu ngành CNCL là những ngành: i) hiện đang phát triển mạnh, có khả năng và điều kiện phát triển lâu dài và chiếm tỷ trọng đáng kể trong toàn ngành công nghiệp; ii) có vị trí quan trọng trong toàn ngành công nghiệp, có vị trí chi phối đối với nhiều ngành công nghiệp khác hoặc đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của xã hội; iii) có vị trí quan trọng trong việc thực hiện chủ trương phát triển kinh tế-xã hội của đất nước; iv) phát huy được lợi thế của nền kinh tế, đóng góp tích cực vào tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế của đất nước.

Gắn liền với khái niệm ngành công nghiệp chủ lực là sản phẩm công nghiệp chủ lực. Sản phẩm công nghiệp chủ lực (SPCNCL) là sản phẩm công nghiệp có sức cạnh tranh lâu dài trên thị trường quốc tế, trong nước. SPCNCL phải được tạo ra từ các dây chuyền thiết bị có trình độ công nghệ cao, phù hợp với trình độ sản xuất trong từng thời kỳ, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, bảo đảm năng lực sản xuất và môi trường bền vững. Các SPCNCL sẽ là nhân tố rất quan trọng tạo ra tăng trưởng công nghiệp và kinh tế cao nhờ đáp ứng ổn định nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Khái niệm SPCNCL là một phạm trù mang tính lịch sử, thay đổi theo từng thời kỳ lịch sử, từng vùng, từng địa phương hoặc từng quốc gia. Một SPCNCL hiện nay của địa phương này, nước này nhưng lại không phải là SPCNCL của các địa phương khác, nước khác, hoặc trong thời kỳ khác.

2. Tiêu chí xác định sản phẩm công nghiệp chủ lực

Nhiều nhà nghiên cứu và chính sách cho rằng, sản phẩm công nghiệp chủ lực bao gồm những tiêu chí chủ yếu sau đây: i) sản phẩm chiếm tỷ trọng cao trong GDP và đóng góp lớn vào nguồn thu ngân sách Nhà nước; ii) tạo hiệu quả tốt đối với sự phát triển các sản phẩm công nghiệp khác hoặc có tác động lan tỏa, thúc đẩy phát triển các sản phẩm khác; iii) khả năng cạnh tranh cao, tiềm năng thị trường tương lớn, góp tỷ phần lớn trong kim ngạch xuất khẩu hàng hóa nói chung; iv) có hiệu quả kinh tế cao.

Do vai trò quan trọng của SPCNCL đối với việc thúc đẩy các ngành công nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung, nên việc xây dựng tiêu chí cụ thể để xác định sản phẩm công nghiệp chủ lực có ý nghĩa rất quan trọng. Trên cơ sở đó, Nhà nước sẽ có các chính sách, biện pháp cụ thể để khuyến khích, hỗ trợ các sản phẩm chủ lực. Tiêu chí quan trọng nhất của SPCNCL là khả năng cạnh tranh và khả năng phát triển của nó. Một sản phẩm được coi là có năng lực cạnh tranh khi có mức giá thấp hơn với các sản phẩm tương tự với chất lượng ngang bằng hoặc cao hơn. Khả năng cạnh tranh của sản phẩm thường dựa vào các tiêu chí: i) tính cạnh tranh về chất lượng và mức độ đa dạng hóa; ii) tính cạnh tranh về giá cả; iii) khả năng thâm nhập và giữ vững thị trường; iv) khả năng thu hút khách hàng bằng phương thức kinh doanh (hậu mãi, dịch vụ sau bán hàng).

Đối với công nghiệp Thủ đô, từ năm 2005, UBND thành phố Hà Nội đã có Kế hoạch số 60/KH-UB (ngày 10-10-2005) bắt đầu triển khai thực hiện kế hoạch triển khai chương trình phát triển SPCNCL. Ngày 29-5-2006, Hà Nội đã có Quyết định số 75/2009/QĐ-UBND ban hành Quy chế đánh giá xét chọn SPCNCL, trong đó đưa ra 10 nhóm tiêu chí đánh giá lựa chọn sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội (bảng 1).

BẢNG 1: Tiêu chí đánh giá để xét chọn SPCNCL của Hà Nội

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Phương pháp tính điểm
1	Chỉ tiêu tăng trưởng phát triển sản xuất SPCNCL	10	Lấy mức tăng trưởng chung cả năm của ngành có SPCL làm chuẩn để so sánh: tăng trưởng của SPCL bằng chuẩn tính 0 điểm và cứ cao hơn chuẩn 0,5% được tính cộng thêm 1 điểm.
2	Chỉ tiêu quy mô sản xuất SPCNCL	20	Lấy mức 300 tỷ đồng/năm làm chuẩn so sánh: giá trị sản xuất của SPCL đạt 300 tỷ đồng trở lên được tối đa là 20 điểm. Cứ giảm 15 tỷ đồng thì trừ 1 điểm.
3	Chỉ tiêu năng suất lao động của SPCNCL	10	Lấy tỷ số giữa giá trị sản xuất/số lao động của ngành có SPCL làm chuẩn để so sánh: bằng chuẩn tính 0 điểm và tăng hơn 10% thì cộng thêm 1 điểm.
4	Khả năng xuất khẩu	5	Lấy mức tăng trưởng chung của kim ngạch xuất khẩu ngành có SPCL trong 1 năm trước đó làm chuẩn so sánh: mức tăng trưởng bằng mức chung tính 0 điểm, cao hơn 1% được cộng thêm 1 điểm.
5	Đảm bảo duy trì chất lượng sản phẩm.	5	Lấy chỉ tiêu áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng cho từng ngành để tính điểm: áp dụng ISO 9001:2000 hoặc HACCAP, GMP tính 2 điểm, áp dụng thêm 1 hệ thống khác được cộng thêm 1 điểm.
6	Bản quyền đối với sản phẩm	5	Sản phẩm đã đăng ký bảo hộ đối với nhãn hiệu hàng hóa, sản phẩm đã đăng ký kiểu dáng công nghiệp, sản phẩm là kết quả của sáng chế, sản phẩm được bình chọn hoặc đạt giải thưởng trong hội chợ được cộng 1 điểm.
7	Trình độ thiết bị công nghệ sản xuất SPCNCL.	15	- Thiết bị công nghệ: 7 điểm dựa vào giá trị thiết bị/dầu người, xuất xứ thiết bị, chi phí nguyên liệu/1 đơn vị sản phẩm. - Trình độ nhân lực: 6 điểm dựa vào số lao động có trình độ cao đẳng đại học trở lên, thợ bậc cao (bậc 5 trở lên). - Thông tin: 2 điểm dựa vào trang bị hệ thống thông tin sản xuất và quản lý.
8	Có điều kiện và khả năng đảm bảo phát triển bền vững	5	- Sản xuất có nước thải, chất thải rắn, khí thải, tiếng ồn: không có hoặc có nhưng đạt tiêu chuẩn môi trường
9	Khả năng thúc đẩy ngành khác phát triển	10	Tính theo phương pháp chuyên gia cho điểm.
10	Hiệu quả sản xuất kinh doanh của sản phẩm	15	Tính theo phương pháp chuyên gia cho điểm dựa vào kết quả nộp ngân sách, lợi nhuận, thu nhập bình quân của người lao động.

Nguồn: Quyết định số 75/2009/QĐ-UBND ngày 29-5-2009 của UBND Thành phố Hà Nội về ban hành Quy chế đánh giá, xét chọn và hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực Thành phố Hà Nội.

3. Thực tế phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực trên địa bàn Hà Nội

Kể từ khi triển khai kế hoạch phát triển SPCNCL, Hà Nội đã có nhiều giải pháp hỗ trợ, đồng hành cùng các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp sản xuất SPCNCL nhằm phát triển công nghiệp trên địa bàn Thủ đô. Cũng nhờ đó, các doanh nghiệp được công nhận SPCNCL đã có nhiều biện pháp tích cực giữ vững và phát triển sản xuất, tạo việc làm ổn định và đảm bảo đời sống cho người lao động, đầu tư đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị, đa dạng hóa sản phẩm trong quá trình hội nhập quốc tế, trong đó,

nhiều doanh nghiệp đã tham gia sản xuất vào dây chuyền công nghiệp phụ trợ cho Nhật Bản (về điện tử, phụ tùng ô tô, xe máy...). Rất nhiều doanh nghiệp nhờ có SPCNCL đã vươn lên trở thành những thương hiệu mạnh, uy tín trên thị trường cả trong nước và ngoài nước.

Trên cơ sở lợi thế của việc công nhận SPCNCL mà các SPCNCL được tuyên truyền, quảng bá tới đông đảo người tiêu dùng và các nhà tiêu thụ trên thị trường. Từ đó, nhiều doanh nghiệp có điều kiện giữ vững và phát triển sản xuất ngay cả trong điều kiện suy thoái kinh tế thế giới ảnh hưởng.

Hầu hết các SPCNCL đều được người tiêu dùng bình chọn hàng Việt Nam chất lượng cao và có sức cạnh tranh với sản phẩm nhập ngoại ngay tại thị trường trong nước và xuất khẩu như: khóa Việt Tiệp, đèn Rạng Đông, quạt điện cơ Thống Nhất, sản phẩm dệt kim Đông Xuân... Đến nay, các SPCNCL đã được xuất khẩu đến hàng chục nước trên thế giới, nhất là các sản phẩm của ngành dệt may, da giày, máy biến áp, động cơ công suất lớn, sản phẩm ngành điện và điện tử, hàng tiêu dùng. Đặc biệt, các doanh nghiệp trong nước như Cơ điện lạnh Eresson, Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa... đã thiết kế và chế tạo được

những dây chuyền hiện đại chế biến lương thực, thực phẩm, giúp thay thế hàng nhập khẩu, tiết kiệm ngoại tệ đáng kể cho các doanh nghiệp trong nước.

• Những kết quả đạt được:

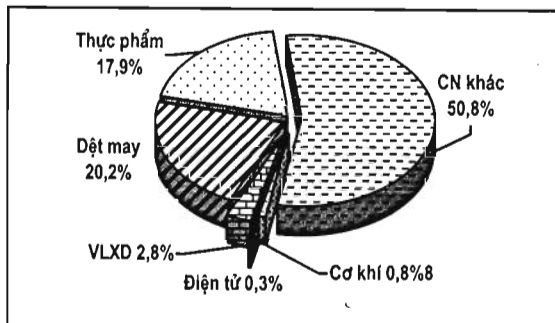
Đến năm 2000, số lượng các doanh nghiệp CNCL chiếm 58% số lượng doanh nghiệp toàn ngành, tỷ trọng này có xu hướng giảm dần, đến năm 2008 là 49,2% (bảng 2). Tuy nhiên, đi đôi với việc giảm tỷ trọng là biểu hiện của việc tăng quy mô bình quân doanh nghiệp và tỷ trọng trong giá trị sản lượng công nghiệp của các doanh nghiệp sản xuất SPCNCL.

BẢNG 2: Số lượng doanh nghiệp thuộc các ngành CNCL và toàn ngành công nghiệp của Hà Nội

Số lượng và cơ cấu	2000	2005	2006	2007	2008	
					Sản lượng	So với năm 2000
* Số lượng						
Toàn ngành công nghiệp	75.840	83.479	85.047	99.356	99.477	23.637
Trong đó: các ngành chủ lực	43.978	43.607	43.570	48.592	48.967	4.989
Ngành sản xuất thực phẩm và đồ uống	19.075	15.844	15.487	17.261	17.780	-1.295
Ngành dệt và sản xuất trang phục	17.206	17.988	17.892	20.338	20.131	2.925
Công nghiệp vật liệu xây dựng	3.187	2.576	2.594	2.777	2.795	-392
Ngành điện tử - công nghệ thông tin	131	254	243	243	262	131
Ngành cơ - kim khí	4.379	6.945	7.354	7.973	7.999	3.620
* Cơ cấu (%)						
Toàn ngành công nghiệp	100	100	100	100	100	
Trong đó: các ngành chủ lực	58,0	52,2	51,2	48,9	49,2	
Ngành sản xuất thực phẩm và đồ uống	25,2	19,0	18,2	17,4	17,9	
Ngành dệt và sản xuất trang phục	22,7	21,5	21,0	20,5	20,2	
Công nghiệp vật liệu xây dựng	4,2	3,1	3,1	2,8	2,8	
Ngành điện tử - công nghệ thông tin	0,2	0,3	0,3	0,2	0,3	
Ngành cơ - kim khí	5,8	8,3	8,6	8,0	8,0	

Nguồn: Niên giám thống kê Hà Nội 2008, Cục Thống kê Hà Nội.

HÌNH 1: Tỷ phần 5 ngành CNCL so với tổng các ngành công nghiệp khác năm 2008



Nhờ những hỗ trợ của Thành phố mà các doanh nghiệp có sản phẩm chủ lực từ khi được công nhận đều tăng trưởng ổn định và có doanh thu cao. Đợt công nhận đầu tiên có 18 sản phẩm, tổng giá trị sản xuất năm 2007 đạt gần 7.000 tỷ đồng (tăng 68,9% so với năm 2005 và chiếm 11,65% giá trị sản xuất công nghiệp Hà Nội). Đến hết năm 2008, Thành phố đã xét chọn được 45 SPCNCL từ các doanh nghiệp trên địa bàn. Tổng doanh thu của 45 SPCNCL đã được công nhận đạt

30.487 tỷ đồng, tăng 17,8% so với năm trước và chiếm 32,3% tổng doanh thu trên địa bàn Hà Nội. Trong đó, có 8 sản phẩm đạt doanh thu trên 1.000 tỷ đồng, 15 sản phẩm đạt 500 - 1.000 tỷ đồng, còn lại thấp nhất cũng đạt 200 tỷ đồng. Riêng trong năm 2009, Hà Nội đã công nhận 45 SPCNCL mới của 41 doanh nghiệp công nghiệp. Chỉ tính riêng các doanh nghiệp này, giá trị sản lượng công nghiệp đã chiếm 24,65% giá trị sản lượng công nghiệp Thủ đô và đạt 22.414,42 tỷ đồng (tăng 16,6% so với năm 2008), trong số đó phải kể đến Công ty TNHH nhựa Hà Nội tăng 58%, Công ty CP điện lạnh Bách Khoa tăng 43,5%, Công ty TNHH chế tạo điện cơ Hà Nội tăng 30%, Công ty TNHH dệt kim Đông Xuân tăng 30%...

Trong sự tăng trưởng của công nghiệp nói chung, các ngành CNCL của Hà Nội đều tăng

trường về mặt giá trị sản xuất với tốc độ cao trong giai đoạn 2000 – 2008. Số liệu điều tra khảo sát từ 34.647 doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn Hà Nội năm 2008 cho thấy, giá trị sản lượng bình quân của một doanh nghiệp thuộc ngành CNCL tăng từ 25,167 tỷ đồng năm 2000 lên 59,232 tỷ đồng năm 2008 (tăng 2,35 lần). Các ngành CNCL có giá trị sản lượng bình quân lớn như: điện tử và công nghệ thông tin (145,226 tỷ đồng), cơ khí (64,097 tỷ đồng), chế biến thực phẩm, đồ uống (60,624 tỷ đồng). Tính chung, giá trị sản lượng bình quân trên một doanh nghiệp của các ngành công nghiệp chủ lực cao hơn so với các ngành công nghiệp không phải chủ lực từ 2 đến 4 lần, giá trị sản lượng bình quân của một doanh nghiệp trong ngành công nghiệp nói chung chỉ đạt 19,383 tỷ đồng/doanh nghiệp.

BẢNG 3: Giá trị SXCN của các ngành CNCL trong sản xuất công nghiệp của Hà Nội
Đơn vị tính : Tỷ đồng, giá cố định năm 1994

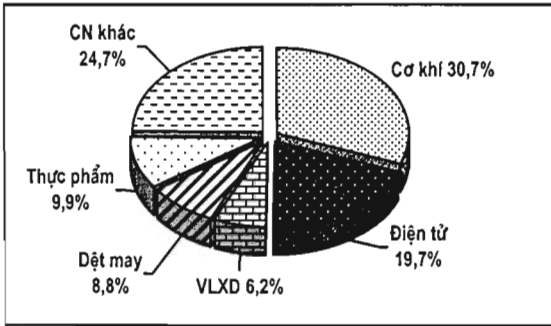
Giá trị và cơ cấu	2000	2005	2006	2007	2008	
					Giá trị	So với năm 2000 (lần)
* Giá trị						
Toàn ngành công nghiệp	27.296	49.149	60.003	71.834	81.759	3,00
Trong đó: các ngành chủ lực	20.982	36.167	48.451	54.221	61.542	2,93
Ngành sản xuất thực phẩm và đồ uống	2.775	4.926	5.672	6.798	8.060	2,90
Ngành dệt và sản xuất trang phục	2.635	4.967	6.188	6.919	7.189	2,73
Công nghiệp vật liệu xây dựng	1.620	3.421	4.065	4.321	5.081	3,14
Ngành điện tử - công nghệ thông tin và phần mềm	4.568	9.636	12.778	13.850	16.088	3,52
Ngành cơ - kim khí	9.384	13.217	19.748	22.333	25.124	2,68
* Cơ cấu (%)						
Toàn ngành công nghiệp	100	100	100	100	100	
Trong đó: các ngành chủ lực	76,9	73,6	80,7	75,5	75,3	
Ngành sản xuất thực phẩm và đồ uống	10,2	10,0	9,5	9,5	9,9	
Ngành dệt và sản xuất trang phục	9,7	10,1	10,3	9,6	8,8	
Công nghiệp vật liệu xây dựng	5,9	7,0	6,8	6,0	6,2	
Ngành điện tử - công nghệ thông tin và phần mềm	16,7	19,6	21,3	19,3	19,7	
Ngành cơ - kim khí	34,4	26,9	32,9	31,1	30,7	

Nguồn: Niên giám thống kê Hà Nội 2008, Cục Thống kê Hà Nội.

Kết quả điều tra trên cũng cho thấy, trong giai đoạn 2000 – 2008, các ngành CNCL trên địa bàn Hà Nội có tốc độ tăng doanh thu rất cao, nhất là các ngành: cơ khí, điện tử và công nghệ thông tin, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất (bảng 3). Năm

2008 có tốc độ tăng mạnh về doanh thu của hầu hết các ngành CNCL, đặc biệt là ngành chế biến thực phẩm và đồ uống (tăng 83%); ngược lại, ngành dệt may có tốc độ tăng trưởng chậm dần (năm 2004 tăng cao nhất là 26,36%, đến năm 2008 chỉ tăng 4,72%).

HÌNH 2: Tỷ phần giá trị sản xuất công nghiệp của 5 ngành CNCL Hà Nội so với các ngành khác năm 2008



Số liệu điều tra khảo sát cũng cho thấy, các doanh nghiệp sản xuất SPCNCL của Hà Nội đã đạt được hiệu quả khá cao trong sản xuất kinh doanh. Theo đó, năm 2008, các ngành sản xuất SPCNCL (trong đó có ngành chế biến thực phẩm, đồ uống) có mức lợi nhuận trên đồng vốn cũng như trên 1 đồng tiền lương đặc biệt cao, đã làm cho mức lợi nhuận trên 1 đồng vốn cũng như trên 1 đồng tiền lương của nhóm ngành công nghiệp chủ lực cao hơn nhiều so với trung bình chung của toàn ngành công nghiệp.

Khả năng xuất khẩu của SPCNCL Hà Nội cũng khá cao: nhiều sản phẩm công nghiệp của Hà Nội đã có mặt ở thị trường Mỹ, Nhật Bản, Bắc Âu, Bắc Mỹ, khối EU và ngày càng có uy tín. Một số sản phẩm đã đủ sức cạnh tranh trên thị trường nội địa và đủ thể mạnh đẩy lùi hàng nhập ngoại như: bút tất, màn tuyn, đồ điện dân dụng, máy cơ khí nhỏ.

Ngoài ra, số lao động được thu hút vào các ngành chủ lực ngày càng nhiều, đặc biệt là những ngành tiềm năng mới như công nghiệp điện tử tin học và phần mềm. Cơ cấu công nghiệp theo ngành và theo lao động đã có sự chuyển dịch tương đối rõ và theo hướng tích cực. Công nghiệp chủ lực của Hà Nội đã và đang có vị trí, vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế của toàn Thành phố và khu vực. Số sản phẩm chủ lực ngày càng nhiều, chất lượng đang được nâng cao và ngày càng được nhiều người tiêu dùng trong và ngoài nước chấp nhận.

• Tuy nhiên, phát triển SPCNCL của Hà Nội còn một số hạn chế:

- Số lượng SPCNCL chưa nhiều, dẫn đến vai trò của các ngành công nghiệp chủ lực trong đóng góp vào GDP chưa được khẳng định đậm nét và ổn định. Thực tế là, tỷ trọng giá trị sản xuất của CNCL trong công nghiệp cũng như trong kinh tế Hà Nội mới chỉ đạt dưới 70%. Ngoài ra, năng suất lao động cũng như hiệu quả kinh tế của một số ngành sản xuất SPCNCL còn thấp. Ngành dệt may, ngành sản xuất chế biến thực phẩm còn mang nặng tính chất giải quyết công ăn việc làm cho lao động, chưa chú trọng nâng cao hiệu quả, nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Thương hiệu của các SPCNCL chưa được quan tâm thích đáng trong việc xây dựng, củng cố và quảng bá rộng rãi trong và ngoài nước. Các sản phẩm chất lượng cao nhưng chưa chiếm được thị trường ngoài Hà Nội, đặc biệt là dành cho xuất khẩu, mà mới được xem như sản phẩm sản xuất dành riêng cho thị trường Hà Nội hoặc miền Bắc.

- Tốc độ tăng trưởng của Hà Nội nói chung, đặc biệt là 3 ngành sản xuất SPCNCL truyền thống (ngành sản xuất thực phẩm và đồ uống; ngành dệt may và ngành vật liệu xây dựng) có tốc độ tăng trưởng chưa cao.

- Công tác quản trị, điều hành của doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp sản xuất SPCNCL còn nhiều hạn chế. Nhiều doanh nghiệp chưa thực sự năng động trong việc nâng cao sức cạnh tranh, tiếp thị sản phẩm cũng như chiến lược phát triển sản phẩm lâu dài.

4. Giải pháp phát triển công nghiệp chủ lực và sản phẩm công nghiệp chủ lực của Hà Nội

4.1. Quan điểm phát triển công nghiệp chủ lực và sản phẩm công nghiệp chủ lực

Theo chiến lược phát triển công nghiệp Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn 2050 và Pháp lệnh Thủ đô, phát triển CNCL và

SPCNCL ở Thủ đô đến năm 2020 cần quán triệt các quan điểm sau:

Thứ nhất, phát triển CNCL phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô nói chung và cơ cấu công nghiệp nói riêng, theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời coi trọng bảo vệ môi trường.

Thứ hai, tập trung phát triển nhanh một số ngành CNCL có hiệu quả và bền vững trên cơ sở phát huy mọi nguồn lực trong nước, kết hợp với nguồn lực bên ngoài, phát huy cao nhất lợi thế so sánh của Thủ đô.

Thứ ba, phát triển CNCL phù hợp với quy hoạch và phương hướng phát triển công nghiệp của Hà Nội mới, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, phát huy thế mạnh của từng địa phương và tổng hợp được sức mạnh của toàn vùng.

Thứ tư, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển các ngành CNCL theo các nguyên tắc thị trường và phù hợp với các cam kết hội nhập quốc tế; thực hiện quản lý thống nhất theo quy hoạch và môi trường pháp lý chung một cách có tổ chức, phân công và hợp tác hợp lý.

Thứ năm, tăng cường năng lực tự nghiên cứu, chế tạo, đồng thời đẩy mạnh việc tiếp thu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến nhằm đạt trình độ công nghệ trung bình tiên tiến của Châu Á, tạo thêm nhiều sản phẩm công nghiệp có khả năng cạnh tranh cao.

4.2. Giải pháp phát triển các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực

Để góp phần phát triển SPCNCL của Hà Nội trong thời gian tới, chúng tôi xin kiến nghị một số giải pháp sau:

• *Một là, lựa chọn các ngành công nghiệp chủ lực và SPCNCL:*

Quy hoạch phát triển công nghiệp đã xác định năm nhóm ngành CNCL là điện tử-công nghệ thông tin, cơ khí, chế biến thực phẩm và đồ uống, dệt may cao cấp,

vật liệu xây dựng-nội thất. Trong giai đoạn 2011-2020, Thành phố Hà Nội cần tạo bước đột phá để hình thành và phát triển nhanh các SPCNCL trong các ngành như: công nghệ thông tin, công nghệ tự động hóa, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới.

Chương trình phát triển các SPCNCL của Hà Nội trong thời gian qua được triển khai hầu như mới dựa trên các sản phẩm sẵn có, sau đó xét chọn và thực hiện các chính sách hỗ trợ. Tuy nhiên trong giai đoạn tới, Thành phố cần quan tâm định hướng phát triển các SPCNCL, trong đó đặc biệt chú ý tới các loại sản phẩm thuộc các ngành công nghiệp sạch, sử dụng công nghệ cao, có hàm lượng chất xám cao, tạo ra giá trị gia tăng lớn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Có chính sách hỗ trợ đối với các sản phẩm mới hình thành hoặc đang trong quá trình phát triển, mặc dù với quy mô còn nhỏ, thị phần còn thấp nhưng phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp của Thủ đô. Các giải pháp hỗ trợ còn là nhằm nuôi dưỡng và phát huy các sản phẩm tiềm năng, có năng lực cạnh tranh trong tương lai, chứ không chỉ là dựa trên việc xét chọn các sản phẩm đã có hàng năm.

• *Hai là, tăng cường hỗ trợ phát triển SPCNCL bằng các việc làm cụ thể:*

i) Triển khai mạnh mẽ và có hiệu quả Quy chế đánh giá, xét chọn và hỗ trợ phát triển SPCNCL được thành phố Hà Nội ban hành: ưu đãi về đất đai, ưu đãi về tài chính, hỗ trợ xúc tiến thương mại, hỗ trợ về nghiên cứu khoa học-công nghệ. Cần phổ biến nhanh chóng và sâu rộng Quy chế này đến các cơ quan quản lý và doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố; xây dựng quy trình và cơ chế hỗ trợ cụ thể cho các doanh nghiệp có hoặc đăng ký phát triển các SPCNCL (đất đai, mặt bằng xuất, tài chính, đào tạo...) nhằm thực sự tạo bước đột phá phát triển các SPCNCL giai đoạn 2011-2020.

ii) Tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư phát triển các ngành CNCL: đầu tư từ ngân sách và từ các nguồn tín dụng chính thức cần đáp ứng yêu cầu tập trung đầu tư theo ngành, các dự án, chương trình và sản phẩm chủ đạo, khai thác hiệu ứng phát triển dây chuyền, tích lũy và bổ sung lẫn nhau giữa các dự án, các ngành và sản phẩm; đồng thời, có cơ chế cho các doanh nghiệp sản xuất SPCNCL vay thương mại ưu đãi và thu hút vốn qua các kênh như: thị trường chứng khoán, thuê mua tài chính, cấp tín dụng thanh toán bồi hoàn, mua bán trả chậm bằng tín dụng xuất khẩu và thu hút FDI.

iii) Thành phố cần có cơ chế tăng cường hợp tác liên kết giữa các tỉnh, thành phố, trước hết là các địa phương thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ để mở rộng phạm vi hỗ trợ cho dự án đầu tư của các doanh nghiệp SPCNCL đầu tư ngoài địa bàn Hà Nội. Thực hiện hợp tác chặt chẽ với các địa phương khác nhằm tạo vùng nguyên liệu và mở rộng thị trường cho các SPCNCL của Hà Nội. Thông qua các cuộc hội chợ, hội thảo, cung cấp thông tin, tư vấn cho doanh nghiệp định hướng phát triển SPCNCL để tăng cường liên kết hợp tác giữa các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp với với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phụ trợ trên địa bàn Thành phố và cả nước.

iv) Thành phố cần đặc biệt chú trọng hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp có SPCNCL thực hiện chuyển giao công nghệ, áp dụng công nghệ hiện đại; hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng các chương trình xúc tiến thương mại và phát triển thương hiệu cho các SPCNCL. Thực hiện chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa thu hút đầu tư nước ngoài nhằm tranh thủ công nghệ, kỹ thuật hiện đại để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và kinh tế Thủ đô nói chung.

v) Mở rộng, phát triển đồng bộ và nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ doanh nhân, doanh nghiệp Hà Nội đầu tư ra nước ngoài. Đặc biệt là cung cấp thông tin thị

trường (chất lượng, giá cả và cung- cầu cũng như triển vọng sản phẩm); thông tin đối tác, cơ hội và kinh nghiệm kinh doanh; thông tin về môi trường đầu tư (các quy định pháp lý, thủ tục xuất- nhập khẩu; các yêu cầu và giấy chứng nhận về vệ sinh an toàn, chất lượng sản phẩm; các đặc điểm văn hóa, thị hiếu tiêu dùng; hệ thống phân phối hàng;...) và các dịch vụ xúc tiến thương mại (hội chợ, triển lãm, quảng cáo và tham quan thị trường, môi giới và tiếp xúc với các đối tác tiềm năng...). Đẩy mạnh xây dựng chương trình phối hợp với các địa phương khác trong cả nước để chống vi phạm bản quyền, chống hàng giả, hàng nhái trên phạm vi cả nước.

vi) Phát triển nguồn nhân lực cho các ngành CNCL: Thành phố cần chủ động phối hợp với các cơ quan trung ương và nước ngoài nhằm thúc đẩy cải cách hệ thống giáo dục, cân đối giữa đào tạo công nhân kỹ thuật lành nghề và đại học, xây dựng một số trung tâm dạy nghề có chất lượng cao, có kế hoạch đào tạo lại, phát triển một thể hệ các lao động công nghiệp mới cho Thủ đô có trình độ cao, ngang bằng với các nước trong khu vực và thế giới.

• Ba là, nâng cao năng lực thể chế hỗ trợ phát triển công nghiệp sản xuất SPCNCL chủ lực:

Để phát triển mạnh mẽ và hiệu quả hơn công nghiệp Hà Nội nói chung và các ngành công nghiệp chủ lực nói riêng, trước hết đòi hỏi phải coi trọng việc nâng cao năng lực thể chế nói chung và trực tiếp liên quan đến công nghiệp nói riêng trên cả ba nội dung: kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng cán bộ và điều chỉnh bổ sung các cơ chế chính sách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính. Cụ thể gồm:

i) Xây dựng đồng bộ và hoàn thiện cơ sở pháp lý phù hợp về quản lý nhà nước trên địa bàn Thủ đô. Hà Nội cần xây dựng, phát triển đồng bộ các loại thị trường, quán triệt ngày càng đầy đủ các nguyên tắc kinh tế thị trường trong quản lý, tổ chức các hoạt động

kinh tế vĩ mô và vi mô; giảm thiểu sớm và triệt để xóa bỏ độc quyền doanh nghiệp, nhất là trong lĩnh vực sản xuất - kinh doanh; nhận thức đầy đủ và xử lý hiệu quả để ngăn chặn việc chuyển hóa độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp (hoặc độc quyền tư nhân).

ii) Thành lập và duy trì thường xuyên hoạt động của các cơ quan chức năng có liên quan đến hoạt động công nghiệp Hà Nội, cung cấp thông tin và hướng dẫn kịp thời các yêu cầu của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài có ý định đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp. Tiến hành xây dựng hệ thống thông tin doanh nghiệp, mở rộng việc tổ chức hệ thống thu thập và xử lý thông tin thị trường trong nước và thế giới để cung cấp thông tin, giúp doanh nghiệp thuận lợi trong việc tìm kiếm đối tác, mở rộng hợp tác quốc tế, tiếp cận với công nghệ hiện đại và tiên tiến, xâm nhập của sản phẩm vào thị trường quốc tế.

iii) Đẩy mạnh hơn nữa việc hỗ trợ xúc tiến phát triển thị trường trong và ngoài nước; mở rộng địa bàn, chức năng hoạt động của trung tâm xúc tiến thương mại của thành phố ra cả thị trường nước ngoài và hướng vào các SPCNCL, tạo lập, nâng cao hiệu quả của mối liên hệ giữa Thành phố với các sứ quán, thương vụ và các tổ chức quốc tế. Thành phố cần có hỗ trợ tài chính ban đầu thích hợp cho hoạt động của các đại diện thương mại của Hà Nội ở nước ngoài để khai thác thị trường mới, dần dần chuyển hoạt động của các đại diện thương mại này theo hướng trực tiếp đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp. Thành phố cần thực hiện trợ giá một phần đối với mặt hàng xuất khẩu mới, hoặc xuất sang những thị trường mới, trước hết cho giai đoạn đầu của hàng xuất khẩu nếu gặp khó khăn; đồng thời, mở rộng các hình thức hợp tác với các tỉnh, thành khác trong cả nước, thúc đẩy sự hợp tác kinh tế giữa các doanh nghiệp, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, phát triển kinh doanh.

Thực tế cho thấy, trong thời đại toàn cầu hóa và bùng nổ của cách mạng khoa học công nghệ, những cơ hội và thách thức mới luôn đặt ra với nước ta, trong đó có vấn đề phát triển các SPCNCL và các ngành CNCL. Với lợi thế là trung tâm khoa học kỹ thuật lớn của cả nước, nơi có nguồn nhân lực chất lượng cao và những ưu đãi từ đầu tư của Nhà nước, Hà Nội có điều kiện thuận lợi tập trung cho phát triển những ngành công nghiệp chủ lực để có SPCNCL chất lượng cao. Thực hiện tốt những giải pháp nêu trên hy vọng sẽ tác động tích cực đến sự phát triển các SPCNCL để Hà Nội thực sự là trung tâm sản xuất các SPCNCL chất lượng cao của cả nước, đưa Hà Nội xứng tầm Thủ đô ngàn năm văn hiến./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2020, Hà Nội, 2006.
2. Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể kinh tế- xã hội đến năm 2010, tầm nhìn đến 2020 của Thành phố Hà Nội.
3. Đề tài cấp nhà nước: Kinh tế hàng hóa Thăng Long- Hà Nội - Đặc trưng và kinh nghiệm phát triển (mã số KX.09.06), năm 2005-2007, chủ nhiệm đề tài: GS. Nguyễn Trí Đình.
4. Hoàng Văn Hoa: Đô thị hóa và lao động, việc làm ở Hà Nội, Nxb Lý luận chính trị (từ năm 2000 đến nay). Hà Nội, 2006.
5. Hoàng Văn Hoa, Phạm Huy Vinh (đồng chủ biên): Phát triển kinh tế hàng hóa ở Hà Nội thời kỳ 2006-2010, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2007.
6. Nguyễn Minh Phong (chủ biên): Vốn dài hạn cho đầu tư phát triển kinh tế ở Hà Nội, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội - 2004.
7. Nghiêm Xuân Đạt, Nguyễn Minh Phong (đồng chủ biên): Giải pháp tài chính thúc đẩy phát triển kinh tế Thành phố Hà Nội, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
8. Nguyễn Quang Hồng, Lê Quốc Hội (đồng chủ biên): Lan tỏa và hấp thụ công nghệ từ doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài sang doanh nghiệp Việt Nam: thực trạng và giải pháp. Nxb Thống kê, Hà Nội, 2009.
9. Tô Xuân Dân, Vũ Trọng Lâm (đồng chủ biên): Cơ chế chính sách đặc thù phát triển Thủ đô Hà Nội - một số định hướng cơ bản, Nhà Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2003.
10. Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế-xã hội Hà Nội: Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn 2050 (Bản dự thảo báo cáo, Hà Nội, 7-2007.